TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày 17/5/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lý A Thu và bà Bạc Thị Phương.
- Thư ký phiên tòa: Ông Thào A Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2023/TLST-HN&GĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: Khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị S; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01/01/1987; nơi ĐKHKTT: Bản Hới Trong, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Tòng Văn Q; sinh năm 1984; địa chỉ: Bản H, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 3 năm 2023, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai và đơn xin vắng mặt của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2009 và chung sống với nhau, cho đến ngày 21/9/2015 mới đi đăng ký kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vợ chồng kết hôn trên sự tự nguyện. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh Q không tu trí làm ăn, chơi bời, sử dụng ma túy. Đến đầu năm 2022 do không chịu đựng được nên chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở bản P, xã M ở cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân không còn quan tâm, chia sẻ gì với nhau. Vợ chồng không còn quan hệ tình cảm gì, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy cuộc sống chung không thể

tiếp tục được nữa. Vì vậy chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị S được ly hôn với anh Tòng Văn Q.

Về con chung: Chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q có 01 người con chung là Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013. Hiện nay con chung do anh Q nuôi dưỡng. Do cháu C đã ở với anh Q ổn định, nên chị S giao con chung cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lò Thị S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Tòng Văn Q. Tại đơn đề nghị khai cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Anh Tòng Văn Q xác nhận, chị S và anh Q có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên kết vào ngày 21/9/2015. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do S không chung thủy, đi làm đã có quan hệ với người đàn ông khác. Đến đầu năm 2022 đã không còn chung sống với nhau, mỗi người có cuộc sống riêng không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn vì vậy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung với chị S. Do đó chị S xin ly hôn anh Q cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Tòng Văn Q xác nhận, chị S và anh Q có 01 con chung là: Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013. Hiện nay anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Q nhận trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

Quá trình xác minh tại địa phương: Giữa chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q đã có mâu thuẫn do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, không tu chí xây dựng gia đình. Chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị S từ đầu năm 2022 cho đến nay. Xác nhận chị S và anh Q có 01 người con chung là Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013; hiện tại anh Q đang trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy đề nghị Tòa án xem xét giao cho anh Q nuôi dưỡng con chung, để đảm bảo cho con chung có cuộc sống ổn định.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị S, cho chị Lò Thị S ly hôn với anh Tòng Văn Q; giao cháu Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013 cho anh Tòng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; về cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề nghị Tòa án xem xét; quan hệ tài sản không có nên không đề nghị xem xét. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó

khăn, chị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị S với anh Tòng Văn Q thì được xác định là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị S nộp đơn khởi kiện, anh Q có nơi ĐKTT tại bản Hới Trong, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị S và anh Q có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; xét thấy việc đưa ra xét xử vắng mặt của của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q, kết hôn ngày 21/9/2015 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn trên sự tự nguyện, thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn, nên có thể xác định hôn nhân của chị S và anh Q là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Quá trình chung sống sau khi kết hôn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, thiếu sự tin tưởng lẫn nhau, anh Q sử dụng ma túy. Đến đầu năm 2022 thì sống ly thân. Trong quá trình giải quyết, chị S vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, anh Q đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc sống giữa chị chị S và anh Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, căng thẳng, không thể hòa hợp, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân đã lâu, trong thời gian sống ly thân, không còn yêu thương chăm sóc lẫn nhau mà mỗi người đều có cuộc sống riêng. Vì vậy thấy rằng giữa chị S và anh Q không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung, do mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị S là có căn cứ. Do đó HĐXX căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị S, cho chị Lò Thị S được ly hôn với anh Tòng Văn Q.

[3]

Về con chung: Chị S và anh Q đều xác nhận có 01 con chung là Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013.

Xét ý kiến về giao nuôi con chung của chị S, anh Q, cháu C thì thấy: Kể từ thời gian sống ly thân, cháu C do anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; trong thời gian nuôi dưỡng con chung, anh Q vẫn đảm bảo cháu C có cuộc sống ổn định và được đi học đầy đủ. Do đó để cháu C có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; thì HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83;

Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao con chung cho anh Q là người trực tiếp nuôi con chung. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng; HĐXX thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; chị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm; Hội đồng xét xử xét thấy chị S đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm; vì vậy miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị S.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận. *Vì các lẽ trên,*

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị S được ly hôn với anh Tòng Văn Q.

2. Về con chung: Giao cho anh Tòng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Tòng Văn C, sinh ngày 29/4/2013 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn anh Tòng Văn Q có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị S thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị S và anh Tòng Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Phương **Lý A Thu** **Lương Thị N**

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đương sự;
- UBND xã Quài Tở;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga